

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ cho **128 (một trăm hai mươi tám)** học viên cao học khóa 2022 và 2023, hình thức đào tạo chính quy.

(Theo danh sách đính kèm)

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ sau khi hoàn tất thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trường Phòng Quản lý đào tạo, Trường các Khoa, Trường các đơn vị, cá nhân có liên quan và học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP

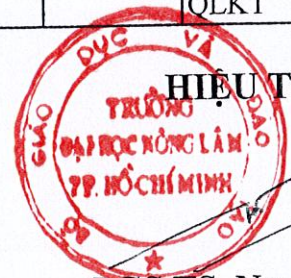
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150 /QĐ-ĐHNL ngày 11 tháng 9 năm 2025)

STT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
1	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	02/02/1988	Lâm Đồng	2754/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 08/08/2022	BVTV	MNLU.22.25.199
2	Lê Hữu	Lợi	Nam	22/02/1987	TP. Hồ Chí Minh		BVTV	MNLU.22.25.200
3	Vương Thị Kim	Cúc	Nữ	07/07/1992	Bình Định		CN	MNLU.22.25.201
4	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	26/06/1996	Phú Yên		CN	MNLU.22.25.202
5	Đồng Thị	Trang	Nữ	15/06/1995	Thanh Hoá		CN	MNLU.22.25.203
6	Phan Quốc	Long	Nam	19/11/1995	Tiền Giang		CNSH	MNLU.22.25.204
7	Phan Võ Quỳnh	Như	Nữ	30/10/1994	Long An		CNSH	MNLU.22.25.205
8	Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	14/04/1998	Quảng Trị		CNSH	MNLU.22.25.206
9	Nguyễn Bá	Nguyên	Nam	17/05/1999	Đắk Lắk		KHCT	MNLU.22.25.207
10	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	19/06/1996	Kiên Giang		KTHH	MNLU.22.25.208
11	Hầu Văn	Bằng	Nam	14/03/1997	Đồng Nai		LH	MNLU.22.25.209
12	Phan Xuân	Chung	Nam	10/04/1993	Hà Tĩnh		LH	MNLU.22.25.210
13	Đoàn Thanh	Hiệp	Nam	26/03/1998	Bình Định		LH	MNLU.22.25.211
14	Phan Thanh	Mìn	Nam	17/09/1995	Cà Mau		LH	MNLU.22.25.212
15	Lê Minh	Đức	Nam	26/06/1977	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.22.25.213
16	Phan Bùi Thanh	Hải	Nam	31/01/1992	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.22.25.214
17	Phạm Ngọc	Hiền	Nam	10/12/1988	Đồng Tháp		QLDD	MNLU.22.25.215
18	Ngô Hữu	Hòa	Nam	18/01/1985	Bình Phước		QLDD	MNLU.22.25.216
19	Trịnh Thị	Liên	Nữ	19/04/1987	Thanh Hoá		QLDD	MNLU.22.25.217
20	Lữ Bội	Liên	Nữ	01/01/1978	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.22.25.218
21	Phan Vũ	Linh	Nam	01/01/1992	Đồng Tháp		QLDD	MNLU.22.25.219
22	Đinh Thành	Lộc	Nam	10/05/1995	Vĩnh Long		QLDD	MNLU.22.25.220
23	Phan Kim	Ngân	Nữ	12/05/1990	Bình Phước		QLDD	MNLU.22.25.221
24	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	15/05/1997	Long An		QLDD	MNLU.22.25.222
25	Phan Đình	Thắng	Nam	05/07/1998	Hà Tĩnh		QLDD	MNLU.22.25.223
26	Nguyễn Thanh	Thoại	Nam	30/12/1989	Đồng Tháp		QLDD	MNLU.22.25.224
27	Lê Hoàng	Tùng	Nam	28/05/1982	Bình Phước		QLDD	MNLU.22.25.225
28	Phạm Đức	Anh	Nam	10/12/1992	Thanh Hoá		QLKT	MNLU.22.25.226
29	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	09/07/1985	Long An		QLKT	MNLU.22.25.227
30	Mai Chánh	Đạt	Nam	07/11/1998	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.22.25.228
31	Trương Tuệ	Minh	Nam	20/07/1984	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.22.25.229
32	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Nữ	23/01/1993	An Giang		QLKT	MNLU.22.25.230
33	Phan Lê Trường	Đạt	Nam	29/07/1997	Ninh Thuận		QLTNMT	MNLU.22.25.231
34	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	01/11/1992	Bình Thuận		QLTNMT	MNLU.22.25.232
35	Trịnh Vũ	Nam	Nam	31/10/1993	Đồng Nai		QLTNMT	MNLU.22.25.233
36	Trương Dân	Nam	Nam	21/05/1995	TP. Hồ Chí Minh		QLTNMT	MNLU.22.25.234
37	Phạm Mỹ	Nguyên	Nữ	07/10/1999	Đồng Tháp		QLTNMT	MNLU.22.25.235
38	Nguyễn Trần	Nguyên	Nam	30/12/1974	Tuyên Quang		QLTNMT	MNLU.22.25.236
39	Nguyễn Thị Trường	An	Nữ	03/09/1983	Long An		TY	MNLU.22.25.237
40	Trương Lập	Công	Nam	28/12/1980	Long An		TY	MNLU.22.25.238
41	Phạm Tiến	Đạt	Nam	09/08/1995	Long An		TY	MNLU.22.25.239

STT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
42	Lê Hiệp	Đoàn	Nam	02/03/1980	Long An	2754/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 08/08/2022	TY	MNLU.22.25.240
43	Đặng Tuấn Anh	Dũng	Nam	07/10/1984	Long An		TY	MNLU.22.25.241
44	Nguyễn Quỳnh Thiện	Hào	Nữ	23/01/1999	TP. Hồ Chí Minh		TY	MNLU.22.25.242
45	Võ Duy	Khang	Nam	31/07/1998	Tiền Giang		TY	MNLU.22.25.243
46	Trần Minh	Khánh	Nam	01/01/1985	Long An		TY	MNLU.22.25.244
47	Lê Thị Bích	Liều	Nữ	03/11/1990	Trà Vinh		TY	MNLU.22.25.245
48	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	08/08/1998	Long An		TY	MNLU.22.25.246
49	Nguyễn Bảo	Lộc	Nam	01/01/1986	Vĩnh Long		TY	MNLU.22.25.247
50	Nguyễn Nguyệt	Minh	Nữ	13/11/1996	Tây Ninh		TY	MNLU.22.25.248
51	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	14/08/1990	Long An		TY	MNLU.22.25.249
52	Nguyễn Văn	Son	Nam	30/12/1985	Long An		TY	MNLU.22.25.250
53	Phan Mạnh	Tân	Nam	27/09/1991	Long An		TY	MNLU.22.25.251
54	Nguyễn Hoàng	Tấn	Nam	03/10/1982	Long An		TY	MNLU.22.25.252
55	Bùi Nguyễn Phương	Thanh	Nam	11/11/1984	Long An		TY	MNLU.22.25.253
56	Văn Hoài	Thịnh	Nam	16/06/1993	Bình Định		TY	MNLU.22.25.254
57	Trần Đào Thanh	Thư	Nữ	12/02/1994	Bình Định		TY	MNLU.22.25.255
58	Nguyễn Trí	Thức	Nam	24/12/1990	Lâm Đồng		TY	MNLU.22.25.256
59	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	08/01/1994	Đồng Nai		TY	MNLU.22.25.257
60	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	04/10/1992	Đắk Lắk		TY	MNLU.22.25.258
61	Trần Thanh	Toàn	Nam	30/04/1995	Long An		TY	MNLU.22.25.259
62	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	25/11/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu		TY	MNLU.22.25.260
63	Trần Phương	Ly	Nữ	10/02/2000	Bình Phước	586/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 13/03/2023	CNSH	MNLU.23.25.261
64	Trần Nguyễn Thiên	Hương	Nữ	22/11/1983	Trà Vinh		CNTP	MNLU.23.25.262
65	Nguyễn Thị Kim	Vân	Nữ	13/05/1996	Đồng Nai		CNTP	MNLU.23.25.263
66	Trần Hoàng	Thạch	Nam	03/11/1996	TP. Hồ Chí Minh		LH	MNLU.23.25.264
67	Võ Phan Thanh	Thảo	Nữ	14/08/1993	Ninh Thuận		LH	MNLU.23.25.265
68	Lê Thảo	Như	Nữ	14/05/1994	Vĩnh Long		NTTS	MNLU.23.25.266
69	Trần Thị Yến	Duyên	Nữ	19/04/1982	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.267
70	Kim Phương	Giang	Nam	06/01/1981	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.268
71	Hồ Thị	Giang	Nữ	14/04/1982	Nghệ An		QLDD	MNLU.23.25.269
72	Nguyễn Thị Kiều	Giang	Nữ	30/12/1986	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.270
73	Trương Như	Huỳnh	Nam	29/04/1985	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.271
74	Trần Công	Lý	Nam	20/11/1989	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.272
75	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	11/07/1988	Bến Tre		QLDD	MNLU.23.25.273
76	Tô Hồng	Phong	Nam	09/03/1992	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.274
77	Nguyễn Tấn	Phong	Nam	30/12/1977	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.275
78	Hoàng Xuân	Quyết	Nam	10/06/1987	Bình Phước		QLDD	MNLU.23.25.276
79	Lê Anh	Tài	Nam	18/09/1999	Bình Phước		QLDD	MNLU.23.25.277
80	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	13/10/1983	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.278
81	Nguyễn Xuân	Tuấn	Nam	05/11/1983	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.279
82	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/06/1994	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.280
83	Đặng Ngọc Anh	Thy	Nữ	09/12/1997	TP. Hồ Chí Minh		QLTNMT	MNLU.23.25.281
84	Lê Thị Hồng	Ấn	Nữ	25/01/1998	Long An		TY	MNLU.23.25.282
85	Đinh Thị Thùy	Dung	Nữ	31/07/1983	Long An		TY	MNLU.23.25.283
86	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	13/09/1997	Kon Tum		TY	MNLU.23.25.284
87	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	19/03/1999	Long An		TY	MNLU.23.25.285
88	Nguyễn Phương	Thanh	Nam	03/03/1995	Long An		TY	MNLU.23.25.286
89	Nguyễn Quốc	Tiến	Nam	30/04/1995	Đồng Nai		TY	MNLU.23.25.287
90	Mai Thùy	Trình	Nữ	28/12/1993	Nam Định		TY	MNLU.23.25.288

STT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
91	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	26/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	5083/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 21/12/2023	TY	MNLU.23.25.289
92	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	07/12/1989	TP. Hồ Chí Minh		TY	MNLU.23.25.290
93	Phạm Thanh	Vũ	Nam	15/01/1980	Bến Tre		TY	MNLU.23.25.291
94	Lê Thị Mỹ	Hà	Nữ	09/09/1999	TP. Hồ Chí Minh		CNTP	MNLU.23.25.292
95	Quách Lâm Tư	Ái	Nữ	03/02/1987	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.293
96	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	04/10/1989	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.294
97	Trương Thị Kim	Hương	Nữ	28/07/1986	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.295
98	Lê Thị Phương	Loan	Nữ	04/04/1989	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.296
99	Nguyễn Đình	Long	Nam	21/02/1993	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.297
100	Nguyễn Huỳnh	Mai	Nữ	30/07/1985	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.298
101	Lê Thị Hoàng	Minh	Nữ	03/02/1995	Gia Lai		KHCT	MNLU.23.25.299
102	Trương Thị Kim	Nhị	Nữ	25/08/1989	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.300
103	Hồ Ngọc	Trâm	Nữ	21/11/1987	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.301
104	Trương Văn	Trường	Nam	20/04/1984	Ninh Bình		KHCT	MNLU.23.25.302
105	Võ Thị Ngọc	Tỷ	Nữ	19/10/1994	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.303
106	Võ Hoàng	Vĩnh	Nam	17/08/1991	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.304
107	Ngô Duy	Đông	Nam	11/07/1982	TP. Hồ Chí Minh		LH	MNLU.23.25.305
108	Tô	Quang	Nam	10/11/1985	Thừa Thiên -Huế		LH	MNLU.23.25.306
109	Nguyễn Thiện	An	Nam	22/08/1993	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.307
110	Huỳnh Công	Nghĩa	Nam	31/05/1979	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.23.25.308
111	Phạm Thị Phương	Quyên	Nữ	09/08/2000	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.309
112	Trần Mạnh	Cường	Nam	09/08/1997	Nam Định		QLKT	MNLU.23.25.310
113	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	17/04/1989	Tiền Giang		QLKT	MNLU.23.25.311
114	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/08/1983	Thái Bình		QLKT	MNLU.23.25.312
115	Phạm Trung	Hiên	Nam	14/06/1994	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.23.25.313
116	Nguyễn Thị Minh	Khai	Nữ	23/05/1985	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.23.25.314
117	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	Nữ	04/09/2000	Quảng Trị		QLKT	MNLU.23.25.315
118	Huỳnh Thị Hoàng	Mai	Nữ	05/03/1981	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.23.25.316
119	Phạm Thị	Mận	Nữ	10/06/1981	Quảng Ngãi		QLKT	MNLU.23.25.317
120	Lê Thị	Nhạn	Nữ	03/12/1991	Hà Tĩnh		QLKT	MNLU.23.25.318
121	Trần Thanh	Phong	Nam	27/06/1978	Bến Tre		QLKT	MNLU.23.25.319
122	Nguyễn Thị Nhị	Quỳnh	Nữ	03/06/1989	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.23.25.320
123	Nguyễn Ngô Phúc	Thịnh	Nam	10/11/1987	Bình Thuận		QLKT	MNLU.23.25.321
124	Phan Thị Thu	Thủy	Nữ	22/08/1980	TP. Hồ Chí Minh		QLKT	MNLU.23.25.322
125	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	03/06/1981	Khánh Hoà		QLKT	MNLU.23.25.323
126	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	02/01/1989	Sóc Trăng		QLKT	MNLU.23.25.324
127	Huỳnh Ngọc	Trí	Nam	21/02/1998	Lâm Đồng		QLKT	MNLU.23.25.325
128	Đặng Thị Bích	Vân	Nữ	10/07/1990	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.23.25.326

Danh sách gồm 128 học viên



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn